

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt – Điều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Về quan hệ tình cảm: Chị Lê Thị N và anh Bùi Hữu V kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn ngày 29/08/2011 tại

UBND xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân. Do tình cảm vợ chồng không còn, chị Lê Thị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V để sớm ổn định cuộc sống cho cả hai bên.

2. Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị N và anh Bùi Hữu V có 02 con chung là các cháu Bùi Thị Vân A, sinh ngày 06/3/2012 và cháu Bùi Thị Thùy T, sinh ngày 08/05/2014. Nếu ly hôn chị Lê Thị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thị Thùy T. Anh V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thị Vân A. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về khoản nợ: Chị Lê Thị N và anh V không nợ ai và không cho ai vay nợ. Vì vậy không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn là anh Bùi Hữu V trình bày:

- Về quan hệ tình cảm: Anh Bùi Hữu V thống nhất với chị Lê Thị N về điều kiện kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn, đồng thời thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Bùi Hữu V và chị Lê Thị N ly hôn để sớm ổn định cuộc sống cho cả hai bên.

- Về quan hệ con chung: Anh Bùi Hữu V và chị Lê Thị N có 02 con chung là các cháu Bùi Thị Vân A, sinh ngày 06/3/2012 và cháu Bùi Thị Thùy T, sinh ngày 08/05/2014. Nếu ly hôn anh Bùi Hữu V thống nhất với chị Lê Thị N: Chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thị Thùy T; Anh Bùi Hữu V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thị Vân A. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh Bùi Hữu V thống nhất với chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ: Anh Bùi Hữu V và chị N không nợ ai và không cho ai vay nợ. Vì vậy không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và HĐXX trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đúng thời hạn, không có vi phạm gì; Việc xét xử tại phiên tòa đảm bảo, đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Bùi Hữu V. Ghi nhận sự

thỏa thuận của các bên về vấn đề con chung: Giao cháu Bùi Thị Thùy T, sinh ngày 08/05/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Bùi Thị Vân A, sinh ngày 06/03/2012 cho anh Bùi Hữu V nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: miễn xét. Chị Lê Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định; các đương sự có quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình do chị Lê Thị N yêu cầu, anh Bùi Hữu V cư trú tại xóm Quang Trung, xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho chị Lê Thị N và anh Bùi Hữu V nhưng cả hai đều có văn bản đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, nhanh chóng đưa vụ án ra xét xử và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Bùi Hữu V kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn ngày 13/3/2012 tại UBND xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân; Chị N có đơn đề nghị nhanh chóng giải quyết vụ án để đảm bảo tính mạng, sức khỏe. Do tình cảm vợ chồng không còn, chị Lê Thị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V để sớm ổn định cuộc sống cho cả hai bên. Anh V thống nhất với chị N về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn, mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị N trình bày và cũng có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử cho chị N và anh ly hôn. Theo kết quả xác minh ngày 27/02/2019 UBND xã Lưu

Sơn cung cấp thông tin: anh V có hộ khẩu thường trú tại xóm Quang Trung, xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương, chị Nhung, anh V có đăng ký kết hôn tại UBND xã, sau khi kết hôn một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn UBND xã không nắm bắt được. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N, anh V không còn, mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh V để sớm ổn định cuộc sống cho cả hai.

- Về quan hệ con chung: Anh Bùi Hữu V và chị Lê Thị N có 02 con chung là các cháu Bùi Thị Vân A, sinh ngày 06/3/2012 và cháu Bùi Thị Thùy T, sinh ngày 08/05/2014.

Chị Lê Thị N và anh Bùi Hữu V thỏa thuận: Nếu ly hôn chị Lê Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thị Thùy T; Anh Bùi Hữu V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thị Vân A. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Việc các đương sự tự thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị N và anh Bùi Hữu V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về khoản nợ: Chị Lê Thị N và anh Bùi Hữu V thống nhất không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí:

Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, 35, 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Bùi Hữu V

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Bùi Thị Thùy T, sinh ngày 08/05/2014 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Thùy T đủ 18 tuổi. Giao cháu Bùi Thị Vân A, sinh ngày 06/3/2012 cho anh Bùi

Hữu V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Vân A đủ 18 tuổi; Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Lê Thị N và anh Bùi Hữu V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung và khoản nợ: Miễn xét.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Buộc chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương theo biên lai số 00054277 ngày 13/02/2019. Chị Lê Thị N đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận::

- Đương sự;
- VKSND H.Đô Lương;
- Chi cục T.H.A dân sự H. Đô Lương;
- UBND xã Lưu Sơn, H. Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn K